

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 9 - 2020

V/v: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Cẩm Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Hồng Gái.
2. Bà Đoàn Thanh Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXX - ST, ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1999; có mặt.

Địa chỉ thường trú: Ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh K

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp K9, xã K, huyện K, tỉnh K.

*2. Bị đơn:* Anh Hồ Văn Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp Đường Thét, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15/7/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng T trình bày:*

Chị và chồng là anh Hồ Văn Th do mai mối, quen biết và kết hôn năm 2017, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, huyện H, tỉnh K Vợ chồng chung sống đến tháng 4/2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Về con chung: Anh, chị có 01 đứa con chung là Hồ Quốc Th1, sinh ngày 29/01/2018, con hiện nay đang sống với chị. Về tài sản, nợ chung: Không có.

Nay, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Th. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị có việc làm có thu nhập ổn định nên không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

*Tại bản tự khai ngày 18/8/2020, quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Hồ Văn Th trình bày:*

Anh và chị T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau thời gian chung sống giữa anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng anh đã không chung sống từ tháng 4/2018 cho đến nay. Anh, chị có một đứa con chung tên Hồ Quốc Th1, sinh ngày 29/01/2018, con hiện nay đang sống với chị T. Anh không đồng ý ly hôn, nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh đồng ý nhưng anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hồ Văn Th, giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh Th với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Đường Thét, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa những vắng mặt, không rõ lí do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị T và anh Th kết hôn vào năm 2017 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống anh Th, chị T xác định mẫu thuẫn giữa anh, chị đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Xét thấy, vợ chồng anh chị sống ly thân đã nhiều năm, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Anh, chị có một đứa con chung Hồ Quốc Th1, sinh ngày 29/01/2018, con hiện nay đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị T hiện nay cháu Th1 đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Anh Th cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th1, tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì: *“3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”*. Do đó, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị T là có cơ sở để được chấp nhận. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có việc làm, có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, nợ: Anh, chị xác định vợ chồng không có tài sản, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Hồng T ly hôn với anh Hồ Văn Th.

2. Về nuôi con: Giao cháu Hồ Quốc Th1, sinh ngày 29/01/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001058 ngày 20/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, đương sự có mặt tại phiên tòa được tính kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**Lê Cẩm Tú**